

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026 của UBND xã Sơn Cẩm Hà)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang			Dự toán giao trong năm (gồm đầu năm và bổ sung trong năm)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B				1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	1.405.302.080	601.781.000	803.521.080	13.868.711.923	7.973.007.000	5.895.704.923	15.022.977.284	8.567.125.000	6.455.852.284	98,36	99,91	96,37
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	0	0	0	270.777.500	0	270.777.500	255.311.125	0	255.311.125	94,29		94,29
1	Phòng Văn hóa – Xã hội	0	0	0	119.680.000	0	119.680.000	119.680.000	0	119.680.000	100,00		100,00
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương (10474)	0			104.000.000		104.000.000	104.000.000		104.000.000	100,00		100,00
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20474)	0			15.680.000		15.680.000	15.680.000		15.680.000	100,00		100,00
2	Phòng Kinh tế	0	0	0	115.455.000	0	115.455.000	99.988.625	0	99.988.625	86,60		86,60
	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương (10477)	0			100.250.000		100.250.000	99.988.625		99.988.625	99,74		99,74
	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20477)	0			15.205.000		15.205.000	0			-		-
3	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	0	0	0	35.642.500	0	35.642.500	35.642.500	0	35.642.500	100,00		100,00
	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách trung ương (10476)	0			31.000.000		31.000.000	31.000.000		31.000.000	100,00		100,00
	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20476)	0			4.642.500		4.642.500	4.642.500		4.642.500	100,00		100,00
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	1.405.302.080	601.781.000	803.521.080	13.597.934.423	7.973.007.000	5.624.927.423	14.767.666.159	8.567.125.000	6.200.541.159	98,43	99,91	96,45
1	Phòng Kinh tế	1.405.302.080	601.781.000	803.521.080	12.847.212.000	7.973.007.000	4.874.205.000	14.063.936.736	8.567.125.000	5.496.811.736	98,68	99,91	96,81
	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương (10492)	6.594.000	6.594.000	0	3.426.500.000	3.426.500.000		3.433.094.000	3.433.094.000		100,00	100,00	
	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình nguồn vốn ngân sách trung ương (10493)	43.429.000	0	43.429.000	471.000.000		471.000.000	514.429.000		514.429.000	100,00		100,00

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang			Dự toán giao trong năm (gồm đầu năm và bổ sung trong năm)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B				1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách trung ương (10497)	47.262.000	0	47.262.000	25.000.000		25.000.000	70.452.500		70.452.500	97,50		97,50
	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới nguồn vốn ngân sách trung ương (10502)	0	0	0	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20491)	206.661.080	0	206.661.080	317.305.000		317.305.000	351.853.000		351.853.000	67,15		67,15
	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20492)	595.187.000	595.187.000	0	6.246.507.000	4.546.507.000	1.700.000.000	6.834.031.000	5.134.031.000	1.700.000.000	99,89	99,85	100,00
	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình (20493)	0	0	0	84.000.000		84.000.000	84.000.000		84.000.000	100,00		100,00
	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20497)	386.169.000	0	386.169.000	2.100.000.000		2.100.000.000	2.479.177.236		2.479.177.236	99,72		99,72
	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thôn nguồn NS cấp tỉnh (20498)	120.000.000	0	120.000.000	116.900.000		116.900.000	236.900.000		236.900.000	100,00		100,00
	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20499)	0	0	0	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
2	Phòng Văn hoá-Xã hội	0	0	0	503.100.000	0	503.100.000	456.197.000	0	456.197.000	90,68	#DIV/0!	90,68

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang			Dự toán giao trong năm (gồm đầu năm và bổ sung trong năm)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B				1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình (20493)	0			500.000.000		500.000.000	453.097.000		453.097.000	90,62		90,62
	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thôn nguồn NS cấp tỉnh (20498)	0			3.100.000		3.100.000	3.100.000		3.100.000	100,00		100,00
3	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	0	0	0	33.300.000	0	33.300.000	33.210.000	0	33.210.000	99,73		99,73
	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới nguồn vốn ngân sách trung ương (10502)	0			18.300.000		18.300.000	18.300.000		18.300.000	100,00		100,00
	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20496)	0			15.000.000		15.000.000	14.910.000		14.910.000	99,40		99,40
4	Văn phòng HĐND-UBND	0	0	0	88.322.423	0	88.322.423	88.322.423	0	88.322.423	100,00		100,00
	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20491)	0			88.322.423		88.322.423	88.322.423		88.322.423	100,00		100,00
5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0	0	0	126.000.000	0	126.000.000	126.000.000	0	126.000.000	100,00		100,00
	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20499)	0			30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình (20493)	0			96.000.000		96.000.000	96.000.000		96.000.000	100,00		100,00